TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 20-12-2022
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm
Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2022/TLST- DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên toà số 50/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị A, sinh năm 1983; ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1980; Cùng nơi cư trú: Thôn 10, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn 10, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước *(vắng mặt không có lý do).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Văn D, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn 10, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước *(vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2022 và lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Vũ Thị A, ông Nguyễn Văn B cùng trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 16 tháng 5 năm 2018 (dương lịch), bà A, ông B có cho vợ chồng bà Vũ Thị C, ông Phan Văn D vay tổng số tiền gốc là 100.000.000

đồng và có lập giấy vay mượn tiền với nhau và chỉ có bà C ký vào phần người vay tiền, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 16 tháng 5 năm 2019 (dương lịch). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3,5%/tháng, mục đích vay là để làm ăn và sinh hoạt chi tiêu chung trong gia đình và không có thế chấp tài sản gì. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà C, ông D mới trả cho bà A, ông B số tiền lãi được 4.000.000 đồng, khoản tiền gốc 100.000.000 đồng thì chưa trả được số tiền nào, mặc dù bà A, ông B đã đi đòi nhiều lần. Nay tại Toà, bà A, ông B yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị C, ông Phan Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà A, ông B số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66% /tháng, tính từ ngày vay 16 tháng 5 năm 2018 (dương lịch) cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, quá trình thu thập chúng cứ cũng như tại phiên tòa bà A, ông B tự nguyện rút một phần về yêu cầu tính lãi đối với bà C, ông D.

Bị đơn bà Vũ Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn D vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị A, ông Nguyễn Văn B. Buộc bị đơn bà Vũ Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị A, ông Nguyễn Văn B số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn bà Vũ Thị A, ông Phan Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Xác định đây là vụ án dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" do nguyên đơn bà Vũ Thị A, ông Nguyễn Văn B thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn bà Vũ Thị

C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn D có địa chỉ nơi cư trú tại thôn 10, xã ĐƠ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Bị đơn là bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông D đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà C, ông D vẫn vắng mặt. Việc bà C, ông D vắng mặt mà không có lý do là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông D theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Mặc dù trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà C và ông D vắng mặt. Căn cứ vào "Giấy mượn tiền" lập ngày 16 tháng 5 năm 2018 (dương lịch) được xác lập giữa bà A, ông B và bà C ký tên thì việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự quy định tại các Điều 385, 401, 463 của Bộ luật dân sự và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, bà C, ông D mới trả cho bà A, ông B số tiền lãi là 4.000.000 đồng, còn số tiền gốc thì bà C, ông D chưa trả được một khoản tiền nào như đã thỏa thuận, mặc dù bà A, ông B đã đi đòi nhiều lần. Mặc khác, tuy trong giấy vay tiền không có chữ ký của ông D, nhưng theo lời trình bày của bà A, ông B trong quá trình thu thập chứng cứ thì mục đích bà C, ông D vay tiền là để mua rẫy, chi tiêu, sinh hoạt chung trong gia đình. Cho nên, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà bà A, ông B yêu bà C và ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông, bà số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Mặc dù tại đơn khởi kiên ngày 06 tháng 6 năm 2022, bà A, ông B yêu cầu tính lãi đối với bà C, ông D theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày vay 16 tháng 5 năm 2018 (dương lịch) cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà A, ông B không yêu cầu tính lãi đối với bà C, ông D. Xét thấy, việc không yêu cầu tính lãi nêu trên là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C, ông D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 288; 385; 401; 463; 466; 217 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị A, ông Nguyễn Văn B về tranh chấp ”***Hợp đồng vay tài sản”.***

2. Tuyên xử:

Buộc bà Vũ Thị C, ông Phan Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị A, ông Nguyễn Văn B số gốc đã vay là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mưc lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ một phần về yêu cầu tính lãi của bà Vũ Thị A, ông Nguyễn Văn B.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị C, ông Phan Văn D phải nộp là 5.000.000 đồng.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí là 4.500.000 đồng cho bà Vũ Thị A đã nộp theo biên lai thu số 0006236 ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Văn Phú Vinh

Nơi nhận
- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.